

2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**



MCG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
 - Tên giao dịch: VIETNAM MECHANIZATION ELECTRIFICATION & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên viết tắt: MECO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100103295 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/8/2011.
- Vốn điều lệ: 575.100.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm tỷ một trăm triệu đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: (844) 2213 8518 Fax: (844) 3869 1568
- Email: vanphong@mecojsc.vn
- Website: <http://www.mecojsc.vn>
- Mã cổ phiếu: MCG

2. Quá trình hình thành và phát triển:

➤ *Việc thành lập:*

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tiền thân là *Xưởng sửa chữa máy kéo* được thành lập ngày 08 tháng 3 năm 1956 trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp & PTNT). Năm 1969 đổi tên thành: *Nhà máy đại tu máy kéo Hà Nội*. Năm 1977 tiếp tục đổi tên thành *Nhà máy cơ khí nông nghiệp I Hà Nội*.

Ngày 24/03/1993 đổi tên thành Công ty Cơ điện và Phát triển Nông thôn.

Ngày 29 tháng 10 năm 2003, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra Quyết định số 4797/QĐ/BNN-TCCB, đổi tên Công ty Cơ điện và Phát triển Nông thôn thành Công ty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

➤ *Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần:*

Ngày 09 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ra Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB V/v: Chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103295 (số cũ 0103009916) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần 1 ngày 30/11/2005, vốn điều lệ là: 12.000.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 6 năm 2007, đổi tên thành **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**.

➤ *Niêm yết:*

Ngày 24/09/2009, Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (MECO JSC) đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là **MCG**, theo Quyết định số 109 ngày 01/9/2009 của HOSE.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ *Ngành nghề kinh doanh:*

- Về cơ khí và điện: Chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phụ vụ cho ngành nông, lâm diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: Cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phụ vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế điện đến 35 KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng công trình thủy lợi; Hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường;
- Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: Kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư, xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát thăm dò và chế biến (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa xi măng, gia cố, chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, thân đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo và lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi, thủy điện; Chế tạo, sửa chữa và lắp đặt công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp, chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi, giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

Quản trị trực tuyến chức năng.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

a. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty; bầu, miễn nhiệm cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Hội đồng quản trị

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định.

c. Ban kiểm soát

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

d. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các quyết định tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Các phó tổng giám đốc chuyên môn chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty về lĩnh vực được phân công phụ trách.

e. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ:

Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ chịu sự điều hành của Tổng giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc Công ty về các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách. Gồm các bộ phận tham mưu giúp việc cho ban Tổng giám đốc:

- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Tài chính - kế toán
- Phòng Kinh tế - Kế hoạch

f. Các chi nhánh

Gồm các đơn vị hạch toán độc lập, Giám đốc chi nhánh chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh:

- Chi nhánh Tuyên Quang
- Chi nhánh Thanh Hoá
- Chi nhánh Miền Trung
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Tây Bắc
- Chi nhánh Tây Nguyên

g. Các Xí nghiệp trực thuộc

Gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc, giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp

- Xí nghiệp Thi công nền móng và công trình ngầm
- Xí nghiệp Thi công cơ giới và Sản xuất vật liệu

h. Các Trung tâm

- Trung tâm thương mại xuất nhập khẩu
- Trung tâm thí nghiệm vật liệu xây dựng
- Sàn giao dịch bất động sản

i. Các Ban chỉ huy

Trưởng các ban chỉ huy chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các hợp đồng do Công ty đã ký kết.

- Ban chỉ huy công trình Đồng Nai 3
- Ban chỉ huy công trình Đakr'rtih
- Ban chỉ huy công trình Sê San 4
- Ban chỉ huy công trình Sông Tranh 2
- Ban chỉ huy công trình Hương Điền
- Ban chỉ huy công trình Nho quế 3
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 5 - HTCT phân ranh mặn ngọt - Bạc Liêu.
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 6 - Dự án Hồ chứa nước Bản Mòng
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 1, 4 - Dự án Hồ chứa nước IAMOR
- Ban chỉ huy công trình thủy điện Nậm Hóa 1

j. Ban điều hành các công trình

Trưởng ban điều hành chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty trong việc điều hành, kiểm soát và tổ chức thực hiện các hợp đồng liên danh, tổng thầu.

- Ban điều hành liên danh Cơ Điện - thủy lợi 44
- Ban điều hành tổng thầu thi công xây lắp thủy điện Nậm Hóa 1.

k. Các Ban quản lý Dự án

Trưởng Ban quản lý chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty trong việc điều hành, kiểm soát và thực hiện các dự án.

- Ban quản lý đầu tư các dự án bất động sản

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của MCG: Không có.

b. Các công ty có trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp do MCG nắm giữ:

- ❖ Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Meco - Meco nắm giữ 89 % vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Đầu tư Thủy điện AnPha - Meco nắm giữ 97,5% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Thủy điện Thác Xăng - Meco nắm giữ 80% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Khoáng sản Meco - Meco góp 75% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Bất động sản MECO - Meco góp 90% vốn điều lệ.

c. Các Công ty mà Meco nắm dưới 50% vốn cổ phần/ vốn góp:

- ❖ Công ty CP Cơ điện và xây dựng Hòa Bình - Meco nắm giữ 46 % vốn điều lệ
- ❖ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm: 45% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Xây dựng thủy lợi Meco Sài Gòn - Meco nắm giữ 28,05% vốn điều lệ

d. Tóm tắt về hoạt động các Công ty có liên quan

*** Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Meco (MECOEDI)**

- MECOEDI được thành lập 24/01/2008 với các ngành nghề kinh doanh chính; Sản xuất và kinh doanh điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình trung, hạ áp và trạm biến áp đến 32KV; Xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị cơ khí, cơ điện, công nghiệp điện, điện tử; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện; Buôn bán các loại máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

*** Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện AnPha**

- ANPHA-EL được thành lập từ ngày 06/04/2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Sản xuất, kinh doanh điện năng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình trung, hạ áp và trạm biến áp đến 35KV; Xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị công nghiệp điện, điện tử; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình thủy điện; Dịch vụ thương mại;

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 214 đường Tô Hiệu, tổ 6, phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

*** Công ty cổ phần thủy điện Thác Xăng (THAC XANG., JSC)**

- Công ty cổ phần thủy điện Thác Xăng được thành lập từ 05/04/2007 (*Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, cơ sở hạ tầng và khu du lịch; sản xuất và kinh doanh điện;

lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ vui chơi giải trí ; Nuôi trồng thủy sản

- Địa chỉ trụ sở chính : 2A14 tổ 1D, phường Trung Liet, quận Đống Đa , thành phố Hà Nội

*** Công ty cổ phần khoáng sản Meco (MecoM)**

- Công ty cổ phần khoáng sản Meco (MecoM) được thành lập từ ngày 29/03/2010 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Khai thác quặng kim loại; Khai khoáng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; công trình giao thông, công trình công ích; San lấp mặt bằng công trình các loại; Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ.

- Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

*** Công ty cổ phần Bất động sản Meco (MECOLAND)**

- Công ty cổ phần Bất động sản Meco (MECOLAND) được thành lập từ ngày 19 tháng 01 năm 2012 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Quảng cáo; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng, Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ; Phá dỡ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, quản lý bất động sản.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 102 Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

*** Công ty Cổ phần Cơ điện và xây dựng Hòa Bình (MCI)**

- MCI được thành lập từ ngày 18/12/2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Khai thác đất, cát, sỏi và đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và vật liệu xây dựng, Sản xuất phụ tùng và thiết bị sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và vận tải, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng nhà các loại, Xây dựng công trình đường bộ; Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan, Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất...

- Địa chỉ trụ sở chính : Tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

5. Định hướng phát triển:

➤ Các mục tiêu chủ yếu của MECO trong năm 2016

Với mục tiêu phát triển và ổn định bền vững, Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trong bốn lĩnh vực chính Xây Lắp, kinh doanh điện, Thương Mại, chế tạo các sản phẩm cơ khí công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi thủy điện, kinh doanh Bất động sản theo chiều sâu.

➤ Chiến lược phát triển:

- Đầu tư kinh doanh Bất động sản:

+ Tập trung chỉ đạo vận hành khai thác khu thương mại dịch vụ Mecocomplex đạt hiệu quả.

+ Tiếp tục thu xếp vốn triển khai dự án Khu đô thị Dương Nội, Khu đô thị mới phía Đông huyện Văn Giang - Hưng Yên (Khu đô thị Long Hưng).

- Đầu tư kinh doanh điện :

+ Tập trung khai thác, phát điện thương mại nhà máy thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW mang lại hiệu quả cao nhất.

+ Tiến hành thực hiện dự án thủy điện Nậm Hóa 1 đúng tiến độ để nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Sản xuất Thi công xây lắp :

+ Tập trung điều hành thi công đúng tiến độ, hiệu quả công trình Hồ chứa nước Bản Mòng (Sơn La); Hồ chứa nước Iamor (Gia Lai); thủy điện Nậm Hóa 1; Công trình nhà ở 69 Vũ Trọng Phụng – Hà Nội; Công trình Thành Thái – Hồ Chí Minh;

+ Tiếp tục thu xếp vốn triển khai dự án thủy điện Khánh Khê - Lạng Sơn, Suối Choang - Nghệ An.

+ Tập trung công tác thu hồi vốn tại các công trình thủy điện: Bình Điền, Hương Điền, Nho Quế 3, Sông Tranh 2, Đăkr'itih...

- Sản xuất Công nghiệp :

+ Duy trì sản xuất các sản phẩm cơ khí truyền thống.

+ Đẩy mạnh hoạt động tự chủ sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí tại Công ty Cơ khí Văn Lâm.

- Kinh doanh thương mại :

+ Quản lý chặt chẽ các hợp đồng thương mại theo nguyên tắc đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả. Lựa chọn kỹ càng các đối tác và có các biện pháp đảm bảo trong quá trình thanh toán tránh các đối tác chiếm dụng vốn của Công ty.

+ Tham gia lựa chọn, liên doanh liên kết với các đơn vị có năng lực, tìm kiếm các công việc mới trên nguyên tắc: Phù hợp năng lực nội tại của Công ty, đảm bảo nguồn vốn thanh toán kịp thời cho công việc hoàn thành, tạo tiền đề để công tác phát triển một cách bền vững.

6. Các rủi ro:

Rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các mục tiêu của công ty:

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, đầu tư và kinh doanh bất động sản, cơ khí, đầu tư dự án và thương mại. Vì vậy ngoài những rủi ro đặc thù của ngành, doanh nghiệp còn phải chịu những rủi ro chung khi có những biến động bất thường của nền kinh tế.

Những rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

1. Rủi ro từ chính sách pháp luật của nhà nước: nhà nước thay đổi chính sách về thuế; lương ... có thể làm tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; Nhưng rủi ro này cũng là một cơ hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh bởi Công ty cũng là một nhà thầu xây dựng các dự án nên việc tăng này cũng có thể làm tăng nguồn doanh thu của Công ty;

2. Rủi ro từ môi trường kinh doanh: Ảnh hưởng từ lãi suất ngân hàng, diễn biến của thị trường bất động sản;

3. Rủi ro-hiện hữu trong doanh nghiệp:

- Rủi ro về biến động nhân sự: Tình hình biến động về nhân sự có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến mục tiêu sản xuất kinh doanh của công ty;

- Rủi ro về hoạt động cung ứng của các nhà thầu phụ; nhà cung cấp: Tiến độ cung cấp của các nhà cung cấp có thể ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng công trình và ảnh hưởng đến hoạt động chung của công ty;

- Rủi ro trong công tác huy động vốn; cân đối và sử dụng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Rủi ro trong quan hệ với khách hàng;

- Rủi ro trong hoạt động khai thác các dự án đầu tư;

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Với chiến lược nhằm tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại đại hội cổ đông năm 2015, HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành linh hoạt và triển khai các giải pháp tối ưu hóa nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát và tiết giảm chi phí nhằm vượt qua những khó khăn trong thời điểm hiện tại và xây dựng kế hoạch phát triển cho những năm tiếp theo, cụ thể :

- Tập trung thực hiện các dự án trọng điểm như:

+ Khai thác phần thương mại – dịch vụ: Dự án BĐS 102 Trường Chinh (Meco complex) với quy mô trên 40.000m² sàn nhà thương mại, 9000m² sàn thương mại dịch vụ, tổng mức đầu tư 1.309 tỷ đồng đã hoàn thành, bàn giao phần lớn căn hộ cho khách hàng và đã tiến hành khai thác khu thương mại dịch vụ;

+ Khởi công dự án thủy điện Nậm Hóa 1 với công suất 18MW sau khi đã cơ bản hoàn thành dự án thủy điện Nậm Hóa 2 (công suất 8MW);

+ Khởi công hợp tác thực hiện dự án khu nhà ở thương mại Đồng Phát - Phường Vĩnh Hưng - Quận Hoàng Mai - Hà Nội;

+ Hoàn thành xây dựng dự án Thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW với tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng đang tích nước để tiến hành phát điện thương mại;

- Cơ cấu nguồn vốn vay tại các ngân hàng thương mại;

- Hoàn thiện các hợp đồng đã ký kết, đẩy nhanh hoạt động thu hồi vốn;

- Thanh lý tài sản dư thừa, hoạt động không hiệu quả để nâng cao năng lực nguồn vốn.

- Giãn tiến độ một số dự án đầu tư như Long Hưng, Khánh Khê, Suối Choang... nhằm tập trung nguồn lực khai thác các dự án có hiệu quả.

- - HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam đã tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	% TH/KH
Tổng giá trị SXKD	554.985.000.000	221.020.000.000	39,82%
Tổng doanh thu	842.628.000.000	374.071.512.057	44,06%
Lợi nhuận trước thuế	49.538.000.000	27.001.991.403	54,51%
Lợi nhuận sau thuế	39.951.000.000	23.031.369.844	57,65%

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

- Môi trường kinh doanh năm 2015 mặc dù đã khởi sắc nhất định trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản và xây dựng nhưng vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. HĐQT và BDH Công ty vẫn thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc thận trọng, bảo toàn vốn. Tập trung vào giải quyết các dự án dở dang còn đang tồn tại. Vì vậy, sản lượng và doanh thu không đạt theo kế hoạch đề ra.

- Hàng tồn kho lớn do ảnh hưởng một số chính sách kinh tế vĩ mô và nhu cầu của thị trường;

- Doanh thu dở dang của một số công trình, dự án không thể quyết toán được do một số Chủ đầu tư chây ì không có thiện chí trong công tác quyết toán, xác định giá trị công nợ và thanh toán cho Công ty;

- Công tác thu hồi công nợ mặc dù đã được triển khai nhưng một số đối tác như Công ty Cổ phần Đầu tư HD, Công ty Cổ phần thủy điện Bình Điền, Tổng 4... vẫn chây ì không có thiện chí thanh toán các khoản công nợ, chưa có biện pháp hữu hiệu để tiến hành thu hồi công nợ.

- Chi phí sản xuất kinh doanh vẫn còn ở mức cao do biến động của thị trường và khó khăn của nền kinh tế (lãi vay và thời gian thu hồi vốn chậm) làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh và không điều chỉnh giá cũng như thu hồi vốn kịp thời.

- Công tác tài chính: Ngân hàng thắt chặt, cắt giảm hạn mức tín dụng tăng tài sản thế chấp dẫn đến mất cân đối nguồn vốn và kế hoạch tài chính Công ty không đáp ứng kịp;

- Công tác quản lý, rà soát, sử dụng máy móc, thiết bị, tài sản đã được triển khai quyết liệt. Một số tài sản dư thừa, không sử dụng đã được đề xuất bán thanh lý; tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số tài sản không được sử dụng trong thời gian dài dẫn đến hư hỏng, mất mát như trạm trộn bê tông đầm lăn tại Hương Điền, Bình Điền...

Công tác quản lý vật tư gắn với sản lượng tại các công trường tập trung về đầu mối quản lý Công ty tạo ra sự thống nhất về phương pháp quản lý, điều tiết dòng tiền. Công tác cung ứng vật tư, quản lý, giám sát các công trường hiệu quả hơn trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

➤ Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần:

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 27/01/2015: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ đến thời điểm 01/4/2016: 57.510.000.000 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần đầu kỳ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ
			(ngày 27/01/2015)	(tính đến ngày 01/4/2016)
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	5.496.825 cổ phần (9,56% vốn điều lệ)	5.496.825 cổ phần (9,56% vốn điều lệ)
2	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT, Phó TGD	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)
3	Ngô Tuấn Anh	Phó TGD	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
4	Ninh Thị Luân	Phó TGD	52.545 cổ phần (0,091% vốn điều lệ)	52.545 cổ phần (0,091% vốn điều lệ)
5	Nguyễn Ngọc Hưng	TV HĐQT, Phó TGD	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)
6	Trần Hải Anh	TV HĐQT, Phó TGD	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)
7	Nghiêm Thị Mai Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	3.700 cổ phần (0,006% vốn điều lệ)	3.700 cổ phần (0,006% vốn điều lệ)
8	Nguyễn Tiến Hiền	TV Ban Kiểm soát	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
9	Hoàng Thị Kim Anh	TV Ban Kiểm soát	17.640 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)	17.640 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)

* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

➤ Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc.

- Ngày sinh: 02/04/1957

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đang, chính quyền, đoàn thể,)
Từ 02/1979 đến 9/1981	Giáo viên dạy nghề Trường CNKT bên cạnh Nhà máy Cơ khí NN I.
Từ 10/1981 đến 6/1986	Cán bộ phòng Cung tiêu Nhà máy Cơ khí Nông nghiệp I Hà Nội.

Từ 7/1986 đến 12/1992	Phó Phòng kinh doanh - Nhà máy Cơ khí Nông Nghiệp 1. Quản đốc phân xưởng cơ khí sửa chữa
Từ 01/1993 đến 03/2000	Giám đốc Xí nghiệp liên doanh kính Long Giang.
Từ 04/2000- 8/2002	Phó Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 09/2002- 04/2003	Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 05/2003 - 12/2003	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 01/2004 đến 6/2005	Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện XD NN và Thủy lợi - kiêm Giám đốc Công ty Cơ điện - Xây dựng NN&TL Hà Nội
Từ 07/2005 đến 10/2005	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 11/2005 đến 7/2008	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 08/2008 đến 01/2010	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 02/2010 đến 04/2010	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 05/2010 đến 04/2011	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 05/2011 đến nay	Quận ủy viên, Giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

➤ - Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty.

➤ **Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 15/06/1971

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Thủy lợi

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 04/1996 đến 08/1999	Cán bộ kỹ thuật - Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4
Từ 07/2000 đến 02/2003	Trưởng BCH công trình, trưởng ban Kế hoạch và Kinh doanh - Xí nghiệp XD và Đầu tư hạ tầng, Công ty thi công cơ giới
Từ 02/2003 đến 03/2005	Cán bộ Kỹ thuật, Ban quản lý dự án thủy lợi 4

Từ 03/2005 đến 06/2006	Phó phòng Kỹ thuật dự án thủy điện PleiKrông – Ban quản lý dự án thủy điện 4
Từ 06/2006 đến 02/2009	Phó trưởng phòng Kỹ thuật, phụ trách Kỹ thuật thủy điện PleiKrông, SêSan 4, Ban quản lý dự án thủy lợi 4
Từ 03/2009 đến 06/2009	Phó giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 07/2009 đến Nay	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam kiêm phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Khối Xây lắp.

➤ **Ông Ngô Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 14/10/1967
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 7/1991 đến 01/1997	Phụ trách đội cơ giới, Công ty xây dựng thủy lợi 2.
Từ 01/1997 đến 6/1997	Phòng Kỹ thuật, Công ty Cơ khí điện thủy lợi.
Từ 06/1997 đến 6/2002	Cán bộ phòng Kinh tế, Kỹ thuật đấu thầu, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 6/2002 đến 3/2010	Trưởng phòng Đấu thầu - Thi công, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 3/2010 đến 1/2010	Giám đốc Trung tâm nghiên cứu tư vấn Cơ điện xây dựng, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 12/2010 đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Khối Cơ điện.

➤ **Bà Ninh Thị Luân - Phó Tổng giám đốc, kiêm Kế toán trưởng Công ty**

- Ngày sinh: 12/09/1963
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán - Chuyên ngành Kế toán.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 6/1985 đến 9/1994	Kế toán tổng hợp Công ty lương thực Ý Yên - Nam Hà.
Từ 10/1994 đến 6/1996	Nhân viên kế toán Công ty Vật liệu giao thông 2 Tam Điệp - Ninh Bình.
Từ 7/1996 đến 8/1996	Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu Giao thông 529 - phường Nam Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình.
Từ 9/1996 đến 8/1997	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Công ty XD và SX vật liệu Giao

	thông 529 - phường Nam Sơn, Tam điệp, Ninh Bình.
Từ 9/1997 đến 4/1999	Trưởng ban kế toán Nhà máy xi măng Công ty XD và SX vật liệu Giao thông 529 - phường Nam Sơn, Tam điệp, Ninh Bình.
Từ 4/1999 đến 12/2003	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu Giao thông 529 - phường Nam Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình.
Từ 1/2004 đến 12/2004	Chuyên viên chính - Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 01/2005 đến 7/2005	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán - Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 08/2005 đến 04/2006	Phó phòng Tài chính - kế toán - Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.
Từ 05/2006 đến 05/2007	Quyền Kế toán trưởng, kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.
Từ 06/2007 đến 12/2011	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 01/2012 đến nay	Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác : Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.

➤ **Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc**

- Ngày sinh: 21/4/1976.

- Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư, Thạc sĩ kiến trúc sư.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 10/1999 đến 12/2004	Giảng viên Trường Đại học dân lập Hải Phòng
Từ 04/2006 đến 02/2007	Kiến trúc sư, phòng Kỹ thuật - Xây dựng, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng
Từ 03/2007 đến 06/2007	Thạc sĩ Kiến trúc giữ chức Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng
Từ 07/2007 đến 07/2008	Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 08/2008 đến 03/2009	Tham gia Ban điều hành Công ty cổ phần BP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng
Từ 04/2009 đến 8/2011	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó Ban quản lý dự án 102 Trường Chinh, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 9/2011 đến 4/2011	Trưởng Ban quản lý dự án 102 Trường Chinh, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 5/2011 đến 12/2011	Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư Bất động sản
Từ 01/2012 đến nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư Bất động sản

- Chức vụ công tác: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Bất động sản.

➤ Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh: 17/04/1977

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Thạc sĩ Tài chính KT.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 07/2000 đến 04/2003	Nhân viên Phòng Kế toán - Xí nghiệp Liên doanh kính Long Giang.
Từ 05/2003 đến 03/2005	Kế toán trưởng - Xí nghiệp liên doanh kính Long Giang.
Từ 04/2005 đến 10/2005	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 11/2005 đến 7/2006	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 8/2006 đến 06/2008	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng (nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam).
Từ 07/2008 đến 04/2009	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 05/2009 đến 5/2013	Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 6/2013 đến nay	Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty.

➤ Bà Nghiêm Thị Mai Hoa - Trưởng Ban Kiểm soát:

- Ngày sinh: 28/9/1958

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 06/1983 - 04/2005	Kế toán, kế toán tổng hợp Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 24 thuộc Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 1
Từ 05/2005 - 10/2007	Phó phòng Tài chính KT Công ty CP Đầu tư Xây dựng 24 thuộc Tổng công ty Cơ điện Nông nghiệp và Xây dựng Thủy lợi
Từ 03/2008 - 07/2008	Kế toán trưởng Ban điều hành tổng thầu Công trình Thủy điện Văn Chấn thuộc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 08/2008 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát.

➤ **Ông Nguyễn Tiến Hiền - Thành viên Ban Kiểm soát:**

- Ngày sinh: 08/10/1980

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 5/2012 - 6/2005	Kế toán Công ty CP XD và TM KL
Từ 6/2005 - 3/2007	Nhân viên phòng KT, KH –ĐT Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 03/2007 - nay	Phó Phòng KT, KH - ĐT Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát.

➤ **Bà Hoàng Thị Kim Anh - Thành viên Ban Kiểm soát:**

- Ngày sinh: 12/12/1975

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 02/1992 đến 01/1999	Nhân viên Nhà máy cơ điện nông nghiệp 5- Hoà Bình
Từ 02/1999 đến 06/2005	Nhân viên Văn phòng Công ty cơ điện và phát triển nông thôn (Công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội)
Từ 07/2005 đến 09/2006	Ủy viên Ban kiểm soát, nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội (Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam)
Từ 10/2006 đến 06/2008	Phó phòng Nhân sự lao động tiền lương, ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam
Từ 07/2008 đến 01/2010	Phó phòng Phụ trách phòng Nhân sự lao động tiền lương Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam
Từ 02/2010 đến 06/2010	Phó phòng Phụ trách phòng Nhân sự lao động tiền lương Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ Văn phòng, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty
Từ 07/2010 đến 09/2012	Trưởng phòng Nhân sự lao động tiền lương Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ Văn phòng, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty
Từ 10/2012 đến 6/2013	Phó phòng Tổng hợp Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam,

	Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ Văn phòng, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty
Từ 07/2013 đến 2/2015	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ văn phòng, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty
Từ 03/2015 đến nay	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Thành viên Ban kiểm soát, Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động:

- Số lao động tại thời điểm 31/12/2015: 72 người.
- Thu nhập bình quân năm 2015: 7.000.000 đ/người/tháng.

TT	PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG (Người)
1	Đại học và Trên đại học	33
2	Cao đẳng và Trung cấp	4
3	Công nhân kỹ thuật	35
	TỔNG SỐ	72

*** Chính sách đối với người lao động:**

- Chế độ làm việc:

+ 8h/ngày, 40h/tuần, thời gian làm việc: sáng từ 7h30 phút đến 11h30 phút, chiều từ 13h đến 17h.

+ Chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng của người lao động đều được Công ty thực hiện đúng theo Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn.

+ Trong các trường hợp đặc biệt nhằm đáp ứng đúng tiến độ thi công, tiến độ thi công, tiến độ giao hàng và giữ chữ tín với khách hàng, cán bộ công nhân viên Công ty có thể sẽ được huy động làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày và không quá 200h/năm.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

+ Tiền lương:

Hàng tháng ngoài việc hưởng lương theo thang bảng lương Nhà Nước và các khoản phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, thu hút, lưu động, độc hại nguy hiểm, phụ cấp khu vực và hệ số không ổn định sản xuất; cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng thêm một phần lương mềm gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong tháng của từng cá nhân.

Ngoài ra vào những ngày lễ, tết cán bộ công nhân viên Công ty còn được chi thêm một khoản lương bổ sung.

+ Tiền thưởng: hàng năm Công ty đều tổ chức bình xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ công nhân viên Công ty để khen thưởng nhằm khích lệ động viên tinh thần lao động đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc, đặc biệt xuất sắc trong việc đóng góp vào sự phát triển của Công ty

+ Bảo hiểm và phúc lợi:

Cán bộ công nhân viên được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, khám sức khoẻ định kỳ.

Hàng năm Công ty đều tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham quan nghỉ mát

Các hoạt động của tổ chức đoàn thanh niên, công đoàn, phụ nữ đều được Công ty quan tâm.

- Chính sách đào tạo:

Với quan điểm “Người lao động là tài sản của Công ty” vì thế Công ty xem việc đào tạo và tái đào tạo là hoạt động đầu tư chứ không phải là gánh nặng chi phí. Nhằm phát huy hiệu quả nguồn nhân lực sẵn có, Công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về tin học, ngoại ngữ... Hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân, tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham gia các khóa huấn luyện tại chỗ, các khóa huấn luyện bên ngoài nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức mới cần thiết để người lao động phát triển năng lực Công tác, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và chiến lược phát triển của Công ty trong tương lai.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm và tình hình thực hiện:

- Đẩy nhanh việc thực hiện đầu tư các dự án:

+ Tiếp tục khai thác phần thương mại dịch vụ Dự án BĐS 102 Trường Chinh (Meco complex) với quy mô trên 40.000m² sàn nhà thương mại, 9000m² sàn thương mại dịch vụ, và tiếp tục bán nốt những căn hộ trong năm 2016;

+ Phát điện thương mại dự án Nậm Hóa 2 trong tháng 3 năm 2016;

+ Đẩy nhanh tiến độ dự án thủy điện Nậm Hóa 1 với công suất 18MW;

+ Thi công dự án khu nhà ở và văn phòng tại 69 Vũ Trọng Phụng;

+ Thi công dự án khu nhà ở và văn phòng tại đường Thành Thái – TP HCM;

- Hoàn thiện các hợp đồng đã ký kết, đẩy nhanh hoạt động thu hồi vốn;

- Thanh lý tài sản dư thừa, hoạt động không hiệu quả để nâng cao năng lực nguồn vốn.

Giãn tiến độ một số dự án đầu tư như Long Hưng, Khánh Khê, Suối Choang... nhằm tập trung nguồn lực khai thác các dự án có hiệu quả.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản	2.259.767.043.105	2.084.175.153.511	
2	Doanh thu thuần	1.199.414.139.245	374.071.512.057	
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.877.774.744	36.939.686.889	
4	Lợi nhuận khác	524.235.099	(9.937.695.486)	
5	Lợi nhuận trước thuế	41.936.505.259	27.001.991.403	
6	Lợi nhuận sau thuế	38.377.264.300	23.031.369.844	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,14	1,18	Lần
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
	+ Khả năng thanh toán nhanh	0,54	0,66	Lần
	TSLĐ - Hàng tồn kho			
	Nợ ngắn hạn			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	74,56	71,3	%
	+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,97	2,48	Lần
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho:	1,19	0,47	Lần
	Giá vốn hàng bán			
	Hàng tồn kho bình quân			
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,53	0,18	Lần
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,2	6,15	%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,78	3,85	%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,7	1,11	%
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,07	9,87	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu thường) : 57.510.000 cổ phiếu.
- Trong đó:
 - + Tổng số cổ phiếu lưu hành : 52.050.000 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu quỹ : 5.460.000 cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

*** Cổ đông/ thành viên góp vốn Nhà nước:**

- Số lượng cổ đông góp vốn nhà nước: 01
- Tên cổ đông: TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ THUỶ LỢI.
 - Tên viết tắt: AGRIMECO.
 - Địa chỉ liên lạc: Km 10 Quốc lộ 1A - Thanh Trì - Hà Nội
 - Ngành nghề kinh doanh: (xem ở dưới)
 - Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty tại ngày 27/01/2015: 302.300 cổ phần chiếm 0,53% vốn điều lệ.

*** Cổ đông góp vốn sáng lập:**

- **Thông tin tổng hợp:** vốn điều lệ ban đầu của Công ty khi thành lập là 12.000.000.000 đồng

TT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị (1.000 đồng)
I	Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	Km10 Quốc lộ 1A - Thanh Trì - Hà Nội	612.000	51%	6.120.000
(*)	Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước là các cá nhân sau:				
I	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Xóm 3, Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Đống Đa, Hà Nội	612.000	51%	6.120.000
II	261 cổ đông cá nhân khác (**)		588.000		5.880.000

➤ **Thông tin chi tiết cổ đông sáng lập:**

- Cổ đông sáng lập là pháp nhân: TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP:

Địa chỉ trụ sở: Km10 Quốc lộ 1A - Thanh Trì - Hà Nội

Ngành nghề hoạt động:

- Về cơ khí:
 - + Thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại phụ tùng, thiết bị, máy móc nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, diêm nghiệp, công nghiệp chế biến, thủy điện, xây dựng và phương tiện vận tải;

- + Thiết kế, chế tạo và lắp đặt các thiết bị nâng hạ;
- + Sửa chữa, bảo dưỡng và phục hồi các loại thiết bị, phụ tùng, xe máy và máy công cụ;
- Kinh doanh điện:
- + Chế tạo, xây dựng và lắp đặt điện phục vụ các công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn;
- + Sản xuất và kinh doanh điện;
- Kinh doanh xây dựng:
- + Đầu tư, xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- + Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng;
- + Thiết kế các công trình thủy lợi, thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị, thiết kế các công trình thủy công, thủy nông, thủy văn;
- + Quản lý dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra dự án, thẩm định thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình xây dựng do Tổng công ty quản lý và đầu tư;
- + Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; - Đầu tư thiết bị; chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực cơ điện, xây dựng nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi;
- Nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật về cơ điện và xây dựng nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi;
- Kinh doanh tài chính, tham gia thị trường chứng khoán;
- Các hoạt động kinh doanh khác:
- + Vận tải và đại lý vận tải;
- + Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khách sạn, du lịch;
- + Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng theo yêu cầu kinh doanh của Tổng công ty;
- + Dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, trưng bày sản phẩm;
- + Dịch vụ thủ tục hải quan;
- + Tiếp nhận và thực hiện các dự án hỗ trợ đầu tư phát triển;
- Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong, ngoài nước để phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- Đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Tính đến ngày 01/4/2016, Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi nắm giữ 302.300 cổ phiếu, chiếm 0,53% trên tổng số 57.510.000 cổ phiếu.

- Cổ đông sáng lập là thể nhân: 260 cổ đông là cán bộ công nhân của Công ty và 01 cá nhân ngoài Công ty.

* Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không có.

* Tỷ lệ sở hữu vốn (tại thời điểm 01/4/2016):

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư CSH						
Cổ đông Nhà nước	3.023.000.000	0,53%			3.023.000.000	0,53%
Cổ đông sáng lập						
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	87.675.400.000	15,25%			87.675.400.000	15,25%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	151.214.720.000	26,3%	26.000.000.000	4,5%	177.214.720.000	30,81%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	401.092.600.000	69,74%	1.909.000.000	0,33%	403.001.600.000	70,08%
Công đoàn Công ty	800.000.000	0,14%			800.000.000	0,14%
Cổ phiếu quỹ	54.600.000.000	9,49%			54.600.000.000	9,49%

* Tỷ lệ cổ đông sở hữu (tại thời điểm 01/4/2016):

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng	Cơ cấu cổ đông (người)	
				cổ đông	Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu						
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	8.767.540	15,25%	2	1	1
	- Trong nước	8.767.540	15,25%	2	1	1
	- Nước ngoài					
2	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%)	905.347	1,57%	35	35	
	- Trong nước	761.297	1,32%	30	30	
	- Nước ngoài	144.050	0,25%	5	5	
3	Cổ đông khác	42.900.160	74,6%	2.318	48	2.270
	- Trong nước	40.231.285	69,96%	2.307	43	2.264
	- Nước ngoài	2.668.875	4,64%	11	5	6
4	Công đoàn Công ty	80.000	0,14%	1		
5	Cổ phiếu quỹ	5.460.000	9,49%	1		

* Tại thời điểm 01/4/2016 và biến động mua bán (của các cổ đông nội bộ và người có liên quan) tính đến thời điểm báo cáo Công ty có các cổ đông lớn:

TT	Cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Bình	5.496.825	10,56	Tổng số cổ phiếu lưu hành là 52.050.000 cổ phiếu
2	Công ty CP Chứng khoán MB (Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)	3.270.715	6,28	
3	Smit Cheancharadpong	2.600.000	5,00	
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	2.250.140	4,32	
5	La Mỹ Phượng	2.532.650	4,87	
6	Nguyễn Văn Dũng	2.300.057	4,42	

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 5.460.000 cổ phiếu phổ thông.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Với chiến lược nhằm tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại đại hội cổ đông năm 2014, HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành linh hoạt và triển khai các giải pháp tối ưu hóa nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát và tiết giảm chi phí nhằm vượt qua những khó khăn trong thời điểm hiện tại và xây dựng kế hoạch phát triển cho những năm tiếp theo, cụ thể :

- Tập trung thực hiện các dự án trọng điểm như:
 - + Dự án BĐS 102 Trường Chinh (Meco complex) với quy mô trên 40.000m² sản nhà thương mại, 9000m² sản thương mại dịch vụ, tổng mức đầu tư 1.309 tỷ đồng đã hoàn thành, bàn giao phần lớn căn hộ cho khách hàng và đã tiến hành khai thác khu thương mại dịch vụ;
 - + Hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư dự án trường Mầm non Phương Mai tại địa chỉ 102 Trường Chinh với tổng giá trị thi công hoàn thành trên 20 tỷ đồng;
 - + Khởi công dự án thủy điện Nậm Hóa 1 với công suất 18MW sau khi đã cơ bản hoàn thành dự án thủy điện Nậm Hóa 2 (công suất 8MW);

+ Khởi công hợp tác thực hiện dự án khu nhà ở thương mại Đồng Phát - Phường Vĩnh Hưng - Quận Hoàng Mai - Hà Nội;

+ Tiếp tục khai thác dự án đầu tư thủy điện Văn Chấn công suất 57MW với tổng mức đầu tư gần 2.000 tỷ đồng ;

+ Hoàn thành xây dựng dự án Thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW với tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng;

- Hoàn thiện các hợp đồng đã ký kết, đẩy nhanh hoạt động thu hồi vốn;
- Thanh lý tài sản dư thừa, hoạt động không hiệu quả để nâng cao năng lực nguồn vốn.
- Giãn tiến độ một số dự án đầu tư như Long Hưng, Khánh Khê, Suối Choang... nhằm tập trung nguồn lực khai thác các dự án có hiệu quả.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam đã tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2015	Thực hiện năm 2015	%TH năm
	A	B	1	2	3
1	SẢN LƯỢNG	10⁶đ	554.985	221.020	40%
-	Xây lắp	"	266.506	173.547	65%
-	Sản xuất CN	"	51.799	10.747	21%
-	Kinh doanh TM	"	230.000	31.115	14%
-	Đầu tư kinh doanh BĐS		6.680	5.611	
-	Kinh doanh điện		-	-	
2	DOANH THU	10⁶đ	842.628	362.800	43%
-	Xây lắp	"	276.040	112.098	41%
-	Sản xuất CN	"	52.199	7.298	14%
-	Kinh doanh TM và DV	"	230.000	31.115	14%
-	DT Kinh doanh BĐS	"	284.389	212.289	75%
-	Kinh doanh điện				

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

- Môi trường kinh doanh năm 2015 mặc dù đã khởi sắc nhất định trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản và xây dựng nhưng vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. HĐQT và BĐH Công ty vẫn thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc thận trọng, bảo toàn vốn. Tập trung vào giải quyết các dự án dở dang còn đang tồn tại. Vì vậy, sản lượng và doanh thu không đạt theo kế hoạch đề ra.

- Hàng tồn kho lớn do ảnh hưởng một số chính sách kinh tế vĩ mô và nhu cầu của thị trường;

- Doanh thu dở dang của một số công trình, dự án không thể quyết toán được do một số Chủ đầu tư chây ì không có thiện chí trong công tác quyết toán, xác định giá trị công nợ và thanh toán cho Công ty;

- Công tác thu hồi công nợ mặc dù đã được triển khai nhưng một số đối tác như Công ty Cổ phần Đầu tư HD, Công ty Cổ phần thủy điện Bình Điền, Tổng 4... vẫn chây ì không có thiện chí thanh toán các khoản công nợ, chưa có biện pháp hữu hiệu để tiến hành thu hồi công nợ.

- Chi phí sản xuất kinh doanh vẫn còn ở mức cao do biến động của thị trường và khó khăn của nền kinh tế (lãi vay và thời gian thu hồi vốn chậm) làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh và không điều chỉnh giá cũng như thu hồi vốn kịp thời.

- Công tác tài chính: Ngân hàng thắt chặt, cắt giảm hạn mức tín dụng tăng tài sản thế chấp dẫn đến mất cân đối nguồn vốn và kế hoạch tài chính Công ty không đáp ứng kịp;

- Công tác quản lý, rà soát, sử dụng máy móc, thiết bị, tài sản đã được triển khai quyết liệt. Một số tài sản dư thừa, không sử dụng đã được đề xuất bán thanh lý; tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số tài sản không được sử dụng trong thời gian dài dẫn đến hư hỏng, mất mát như trạm trộn bê tông đầm lăn tại Hương Điền, Bình Điền...

Công tác quản lý vật tư gắn với sản lượng tại các công trường tập trung về đầu mối quản lý Công ty tạo ra sự thống nhất về phương pháp quản lý, điều tiết dòng tiền. Công tác cung ứng vật tư, quản lý, giám sát các công trường hiệu quả hơn trước.

2. Phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2016:

Năm 2016 được dự báo là năm doanh nghiệp và nền kinh tế sẽ tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, tuy nhiên còn nhiều khó khăn như giá xăng dầu không ổn định, lãi xuất có thể tăng trở lại, thị trường BĐS còn nhiều rủi ro. Căn cứ vào năng lực; khả năng sản xuất kinh doanh của MECO và hợp đồng đã ký với các đối tác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng

giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD cho năm tài chính 2016 (niên độ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến hết 31/12/2016) như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	KH năm 2016	Tỷ lệ
	A	B	I	2	2/I
1	SẢN LƯỢNG	10⁶đ	221.020	775.359	350,81%
-	Xây lắp	"	173.547	317.200	182,77%
-	Sản xuất CN	"	10.747	53.000	493,16%
-	Kinh doanh TM	"	31.115	193.379	621,50%
-	Đầu tư kinh doanh BĐS		5.611	181.780	3.239,71%
2	DOANH THU	10⁶đ	374.071	781.259	208,58%
-	Xây lắp	"	112.098	311.912	278,25%
-	Sản xuất CN	"	7.298	46.449	636,46%
-	Kinh doanh TM và DV	"	31.115	193.379	621,50%
-	DT Kinh doanh BĐS	"	212.289	191.519	90,22%
-	Kinh doanh điện	"		30.000	
3	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	10⁶đ	23.031	40.078	174,02%

Đồng thời HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty cũng đã đưa ra các giải pháp cần thiết để hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm 2016, cụ thể như sau:

2.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty:

2.1.1 Về điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tập trung điều hành thi công xây lắp Dự án thủy điện Nậm Hóa 1 với giá trị sản lượng ước tính trong năm đạt khoảng 110 tỷ đồng, phấn đấu để hoàn thành dự án trong quý IV năm 2017, đây được coi là dự án trọng điểm của Công ty trong năm 2016.

- Tiếp tục điều hành thi công hoàn thành công trình Hồ chứa nước Bản Mòng (Sơn La); Hồ chứa nước Iamor (Gia Lai) với giá trị sản lượng ước tính 70 tỷ đồng; ; Dự án nhà ở thương mại Thành Thái với giá trị sản lượng ước tính 117 tỷ đồng; Dự án nhà ở thương mại 69 Vũ Trọng Phụng với giá trị sản lượng ước tính 57 tỷ đồng;

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành toàn bộ dự án Khu nhà ở và văn phòng 102 Trường Chinh, hoàn thiện thủ tục pháp lý điều chỉnh một phần chức năng khối văn phòng sang nhà ở để bán, bán toàn bộ số căn hộ sau khi được chuyển đổi để lấy vốn đầu tư cho các dự án khác;

- Tập trung hoàn thành công tác GPMB lồng hồ dự án thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW, phát điện thương mại trong thời gian sớm nhất để thu hồi vốn đầu tư và tiến hành thực hiện dự án thủy điện Nậm Hóa 1 đúng tiến độ để nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư;

- Tiếp tục thu xếp vốn triển khai dự án bất động sản, thủy điện trong giai đoạn 2016-2017: dự án Bất động sản Long Hưng giai đoạn 1(53 ha) với mức đầu tư dự kiến 250 tỷ; dự án thủy điện Khánh Khê- Lạng Sơn tổng mức đầu tư 238 tỷ; dự án thủy điện Suối Choang - Nghệ An, tổng mức đầu tư 98 tỷ.

- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn tại các công trình như: Thủy điện Bình Điền; Hương Điền; Nho Quế 3; Sông Tranh 2; Đak'Tih...

- Rà soát lại các thiết bị và có phương án quản lý tài sản, máy móc, thiết bị bằng các biện pháp cho thuê, thanh lý tài sản sử dụng kém hiệu quả nâng cao năng lực sử dụng tài sản của Công ty;

- Tăng cường công tác kế hoạch, quản lý vật tư tại các công trình nhằm tiết kiệm tối đa chi phí vật tư và chủ động.

- Xây dựng kế hoạch SXKD gắn với kế hoạch đầu tư trên cơ sở cân đối các nguồn lực và nhu cầu thị trường, mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo đảm bảo Công ty phát triển bền vững;

- Đẩy mạnh hoạt động tự chủ sản xuất kinh doanh các đơn vị thành viên như Công ty Cơ khí Văn Lâm; Công ty CP Bất Động sản Meco nhằm tập trung nguồn lực, ứng phó linh hoạt với những biến đổi của môi trường kinh doanh còn rất nhiều biến động khó lường;

- Tổ chức công tác quyết toán hoạt động giao khoán nhằm tìm ra những nguyên nhân chủ yếu khiến hiệu quả sản xuất kinh doanh còn rất nhiều hạn chế;

- Tiếp tục đôn đốc các cá nhân thực hiện trách nhiệm của mình trong quá trình thu hồi công nợ và khắc phục hậu quả;

- Quản lý chặt chẽ các hợp đồng thương mại, theo nguyên tắc đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả. Lựa chọn kỹ càng các đối tác và có các biện pháp đảm bảo trong quá trình thanh toán tránh các đối tác chiếm dụng vốn của Công ty;

- Tham gia lựa chọn, liên doanh liên kết với các đơn vị có năng lực, tìm kiếm các công việc mới trên nguyên tắc: Phù hợp năng lực nội tại của Công ty; đảm bảo nguồn vốn thanh toán kịp thời cho công việc hoàn thành; tạo tiền đề để công tác phát triển một cách bền vững;

2.1.2 Về công tác tài chính:

- Chú trọng kiểm soát và công tác cơ cấu nợ ngân hàng, thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để giảm áp lực tài chính của Công ty. Từ đó cải thiện và quản lý hiệu quả chi phí tài chính;

- Tái cơ cấu nguồn vốn nhằm giảm chi phí vay; tập trung thu hồi, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính tại các đơn vị liên kết (thủy điện Nậm Hóa 2); các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác và các khoản đầu tư tại các dự án mà không có hiệu quả cao hoặc hiệu quả không rõ ràng để tập trung cho các dự án trọng điểm hoặc đang đầu tư dở dang (Thủy điện Khánh Khê, thủy điện Suối Choang...);

- Tập trung cao độ cho công tác thu hồi vốn tại các công trình. Bao gồm cả việc chuyển đổi công nợ từ các đối tác thành vốn góp của công ty; thanh lý tài sản thế chấp; khởi kiện ra tòa án cấp có thẩm quyền; xử lý nghiêm các cá nhân phát sinh các khoản nợ xấu cho công ty...

- Cân đối tài chính kịp thời, ưu tiên cho các dự án trọng điểm, mục tiêu năm 2016 có hiệu quả rõ ràng như dự án: Thủy điện Nậm Hóa 1, Dự án Khu đô thị phía Đông huyện Văn Giang và một số công trình xây dựng như Bản Mòng; Iamor..

- Lập kế hoạch tài chính phân bổ rõ nguồn lực cho từng lĩnh vực hoạt động để có kế hoạch sử dụng linh hoạt các nguồn vốn có sẵn và biện pháp xử lý khi xảy ra thiếu hụt nguồn vốn;

- Lựa chọn thời điểm phát hành trái phiếu để tạo vốn đối ứng dự án và bổ sung vốn lưu động.

2.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu Meco;

- Ban hành quy chế lương khoán thưởng, kỷ luật công bằng theo kết quả SXKD và kết quả làm việc của cán bộ công nhân viên. Ban hành chính sách thích hợp để thu hút và giữ chân những cán bộ, công nhân viên có năng lực để đóng góp tích cực hơn nữa vào sự phát triển của công ty;

- Giải thể một số chi nhánh, đơn vị hoạt động không hiệu quả;

- Xây dựng mô hình quản lý đồng bộ, phân cấp trách nhiệm rõ ràng giữa Công ty mẹ và các Công ty thành viên.

- Đào tạo nâng cao năng lực CBCNV. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh, cung ứng tài chính... nhằm quản lý công ty hiệu quả và chuyên nghiệp hơn.

- Tuyển dụng bổ sung, đào tạo nâng cao đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.

2.3. Công tác quản trị:

- Quản trị nhân sự: theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn kết từng nhân sự vào từng vị trí công việc cụ thể, hoàn thiện cơ chế đào tạo và đãi ngộ để phát huy hiệu quả của nguồn nhân lực theo chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

- Quản trị tài chính: Xây dựng kế hoạch tài chính gắn liền với công tác quản trị chi phí, quản trị rủi ro của từng dự án. Tổ chức huy động nguồn đảm bảo cho kế hoạch sản xuất kinh doanh mà đại hội cổ đông đã thông qua nhiều kênh khác nhau để giảm thiểu chi phí vốn một cách tối đa. Áp dụng cơ chế thế chấp tài sản đối với các cá nhân, đơn vị trực thuộc trong công ty trong công tác hỗ trợ, vay vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh;

- Quản trị tài sản: Xây dựng kế hoạch sử dụng tài sản phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh; kiên quyết xử lý các tài sản khai thác không hiệu quả (thanh lý các thiết bị dư thừa, hư hỏng, hiệu quả khai thác thấp...); Tổ chức đánh giá định kỳ tình trạng các tài sản để có giải pháp phù hợp với từng giai đoạn;

- Quản trị kế hoạch sản xuất: Bám sát chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được ĐHCĐ phê duyệt, xây dựng kế hoạch sản xuất ngắn hạn từng tháng, từng quý để phát hiện và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc;

- Quản trị đầu tư: Đánh giá cụ thể lợi ích của từng dự án đầu tư trong từng giai đoạn; xác định những chi phí cơ hội và những rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra đối với tình dự án để có những quyết định đầu tư hợp lý.

V. Quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị:

➤ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty năm 2015 gồm 05 người

1. Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc.
2. Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
3. Ông Lê Hà Giang - Thành viên HĐQT - thành viên độc lập không điều hành
4. Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
5. Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

➤ Hoạt động của các Thành viên HĐQT:

Năm 2015, các thành viên HĐQT tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã phân công đối với từng thành viên theo một số lĩnh vực như sau:

* Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc - Thành viên độc lập điều hành

- Phụ trách chung các công việc thuộc quyền và nhiệm vụ của HĐQT;
- Phụ trách lĩnh vực tài chính;
- Trực tiếp phụ trách đầu tư và kinh doanh Dự án 102 Trường Chinh;
- Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Phụ trách lĩnh vực kế hoạch sản xuất kinh doanh, hành chính, tổ chức, nhân sự;
- Phụ trách đối nội, đối ngoại.

* Ông Lê Hà Giang - Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập không điều hành: Phụ trách lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản.

* Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc:

- Phụ trách quan hệ công chúng và quan hệ cổ đông.
- Phụ trách việc phát hành chứng khoán và thu xếp vốn;
- Đầu tư tài chính, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

* Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc:

- Phụ trách lĩnh vực xây lắp;
- Phụ trách đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện, các dự án năng lượng; quản lý, vận hành, kinh doanh điện.

* Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc:

- Phụ trách lĩnh vực kỹ thuật thi công các công trình xây dựng dân dụng.

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, giám sát việc sử dụng vốn và tài sản của Công ty, việc bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao ...

Các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT	5	5/5	
2	Ông Nguyễn Bình Dương	Thành viên HĐQT	2	2/5	Hết nhiệm kỳ tại ĐHĐCĐ 2015
3	Ông Lê Hà Giang	Thành viên HĐQT	5	5/5	
4	Ông Nguyễn Văn Huyền	Thành viên HĐQT	5	5/5	
5	Ông Đỗ Hiệp Hòa	Thành viên HĐQT	2	2/5	Hết nhiệm kỳ tại ĐHĐCĐ 2015
6	Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Thành viên HĐQT	3	3/5	
7	Ông Trần Hải Anh	Thành viên HĐQT	3	3/5	

Các nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ-HĐQT	12/02/2015	Nghị quyết thông qua việc thoái vốn của Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam vào Công ty cổ phần AP MECO bằng cách chuyển nhượng cho đối tác khác.
2	06/2015/NQ-HĐQT	20/10/2015	Nghị quyết thông qua việc thoái vốn tại Công ty CP Thủy điện Văn Chấn
3	07/2015/NQ-HĐQT	04/11/2015	Nghị quyết thông qua việc cơ cấu nợ vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/ vốn góp của thành viên HĐQT:

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 27/01/2015 : 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ tính đến thời điểm báo cáo : 57.510.000.000 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần đầu kỳ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ
			(ngày 27/01/2015)	(tính đến ngày 01/4/2016)
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	5.496.825 cổ phần (9,56% vốn điều lệ)	5.496.825 cổ phần (9,56% vốn điều lệ)
2	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT, Phó TGĐ	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)
3	Lê Hà Giang	TV HĐQT	10.000 cổ phần (0,02% vốn điều lệ)	10.000 cổ phần (0,02% vốn điều lệ)
4	Nguyễn Ngọc Hưng	TV HĐQT, Phó TGĐ	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)
5	Trần Hải Anh	TV HĐQT, Phó TGĐ	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)

2. Ban Kiểm soát:

➤ Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát năm 2015 có 3 thành viên đều là thành viên độc lập không điều hành, bao gồm:

1. Ông Nghiêm Thị Mai Hoa - Trưởng ban kiểm soát - thành viên độc lập không điều hành.
2. Ông Nguyễn Tiến Hiền - thành viên BKS - thành viên độc lập không điều hành.
3. Bà Hoàng Thị Kim Anh - thành viên BKS - thành viên độc lập không điều hành.

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/ vốn góp của thành viên Ban Kiểm soát:

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 18/4/2014: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ tính đến thời điểm báo cáo: 57.510.000.000 đồng

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nghiêm Thị Mai Hoa	Trưởng BKS	3.700	0,006	3.700	0,006	
2	Nguyễn Tiến Hiền	TV BKS	0	0	0	0	
3	Hoàng Thị Kim Anh	TV BKS	17.640	0,031%	17.640	0,031%	

➤ **Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện và kế hoạch của Công ty năm 2015, đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong Công ty. Trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với Ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị;

Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành;

Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự, thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty;

Năm 2015 lựa chọn công ty kiểm toán là Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh (quý, 6 tháng và một năm) của Công ty, xem xét các chỉ số, tỷ trọng.

Tham gia rà soát kiểm tra một số công trình công ty đang triển khai thi công: Bản Mòng, Iamor, Đồng Phát...

Tham gia quyết toán năm các công trình, đơn vị phụ thuộc trong công ty cùng ban điều hành và các phòng ban trong công ty.

Tham gia tất cả các cuộc họp và giao ban của ban điều hành và HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát:

a. Tiền lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và các chi phí cho thành viên HĐQT/ thành viên Ban kiểm soát.

TT	Chi tiết	Số người	Thu nhập trung bình tháng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	1	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4	2.000.000	96.000.000
	Cộng I			156.000.000
II	Ban Kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách	1	2.000.000	24.000.000
2	Thành viên BKS không chuyên trách	2	1.000.000	24.000.000
	Cộng II			48.000.000
	Cộng I+II			204.000.000

➤ Tiền lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và các chi phí cho thành viên Ban Tổng giám đốc:

STT	Chi tiết	Số người	Thu nhập trung bình tháng (đồng)	Tổng cộng
1	Lương Tổng Giám đốc bình quân	1	20.000.000	240.000.000
2	Lương Phó Tổng giám đốc bình quân	5	15.000.000	900.000.000

- b. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/ chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Giao dịch cổ phiếu của Thành viên HĐQT (từ 27/01/2015 đến thời điểm 01/4/2016): Không.

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu đầu kỳ: 52.050.000 cổ phiếu
 Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu cuối kỳ: 52.050.000 cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	

Giao dịch cổ phiếu của Thành viên BKS (từ 27/01/2015 đến thời điểm báo cáo): Không.

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu đầu kỳ: 52.050.000 cổ phiếu
 Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu cuối kỳ: 52.050.000 cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	

Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan của cổ đông nội bộ khác (từ 27/01/2015 đến thời điểm báo cáo): Không.

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu đầu kỳ: 52.050.000 cổ phiếu
 Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu cuối kỳ: 52.050.000 cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Ngọc Nam	Con trai Chủ tịch HĐQT	0	0	27.320	0,048 %	Mua

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán: Có tài liệu đính kèm.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

2.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chi tiêu	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	1.267.205.389.965	1.316.674.717.363
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	137.301.291.085	26.140.430.913
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20.193.498.500	13.644.434.456
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	553.877.930.377	585.577.998.427
4	Hàng tồn kho	553.844.093.866	687.445.637.101
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.988.576.137	3.866.216.466
II	Tài sản dài hạn	816.969.763.546	943.092.325.742
1	Tài sản cố định	189.736.616.675	32.214.465.685
1.1	Tài sản cố định hữu hình	189.736.616.675	32.214.465.685
1.2	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
1.3	Tài sản cố định vô hình	-	-
1.4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	415.736.004.787	378.972.353.887
2	Bất động sản đầu tư	-	-
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	211.151.155.468	531.548.308.090
4	Tài sản dài hạn khác	345.986.616	355.198.080
5	Lợi thế thương mại	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)	2.084.175.153.511	2.259.767.043.105

I	Nợ phải trả	1.485.959.143.267	1.684.910.927.761
1	Nợ ngắn hạn	1.075.267.545.180	1.154.722.883.021
2	Nợ dài hạn	410.691.598.087	530.188.044.740
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	598.216.010.244	574.856.115.344
1	Vốn chủ sở hữu	598.177.588.521	574.796.218.677
1.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	575.100.000.000	575.100.000.000
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	32.960.749.348	32.960.749.348
1.3	Vốn khác của chủ sở hữu		
1.4	Cổ phiếu quỹ	(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
1.5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
1.6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
1.7	Quỹ đầu tư phát triển	28.817.258.755	28.817.258.755
1.8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.575.476.453	2.647.565.897
1.9	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	9.150.502.478	8.697.043.190
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	38.421.723	59.896.667
2.1	Nguồn kinh phí	-	-
2.2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	38.421.723	59.896.667
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	2.084.175.153.511	2.259.767.043.105

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2015)

2.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	374.071.512.057	1.199.414.139.245
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	374.071.512.057	1.199.414.139.245
4	Giá vốn hàng bán	294.101.294.539	1.122.709.919.616
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.970.217.518	76.704.219.629
6	Doanh thu hoạt động tài chính	44.477.881.463	5.518.976.094
7	Chi phí tài chính	75.361.104.021	42.258.421.480
8	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	(5.447.974.943)	16.534.495.416
9	Chi phí bán hàng	95.275.004	1.205.515.040
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.604.058.124	13.881.484.459
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.939.686.889	41.412.270.160
12	Thu nhập khác	7.025.611.066	18.578.327.779
13	Chi phí khác	16.963.306.552	18.054.092.680
14	Lợi nhuận khác	(9.937.695.486)	524.235.099
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.001.991.403	41.936.505.259
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.970.621.559	3.559.240.959
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.031.369.844	38.377.264.300
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	22.927.910.556	38.287.930.975
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	103.459.288	89.333.325
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	440	736

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2015)

2.3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	Lợi nhuận trước thuế	27.001.991.403	41.936.505.259
2	Điều chỉnh cho các khoản	(19.271.115.967)	(12.543.413.258)

	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	11.471.457.078	9.624.960.865
	Các khoản dự phòng	(2.994.071.921)	505.435.627
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.378.422.105	13.518.094
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(105.240.838.654)	(71.322.453.021)
	Chi phí lãi vay	76.113.915.425	48.635.125.177
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	7.730.875.436	29.393.092.001
	Tăng, giảm các khoản phải thu	41.759.768.806	190.296.207.235
	Tăng, giảm hàng tồn kho	(36.037.166.186)	513.669.307.358
	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	54.160.634.706	(447.590.996.035)
	Tăng, giảm chi phí trả trước	(58.978.816)	373.397.692
	Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	1.471.800.000	-
	Tiền lãi vay đã trả	(40.899.706.596)	(83.728.403.878)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(618.480.639)	(5.247.386.807)
	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	1.635.672.195
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(703.700.000)	(1.889.742.195)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>26.805.046.711</i>	<i>196.911.147.566</i>
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(42.566.700.994)	(79.138.177.621)
	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	77.489.649.038	83.154.137.155
	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(20.000.000.000)	(28.106.005.556)
	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	12.027.805.556	16.078.200.000
	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	355.760.000.000	710.000.000

	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.508.528.244	1.779.775.727
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	388.219.281.844	(5.522.070.295)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
	Tiền thu từ đi vay	62.630.688.355	406.500.373.001
	Tiền trả nợ gốc vay	(366.495.888.161)	(603.299.310.700)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	(303.865.199.806)	(196.798.937.699)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	111.159.128.749	(5.409.860.428)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	26.140.430.913	31.551.324.226
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.731.423	(1.032.885)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	137.301.291.085	26.140.430.913

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2015)

2.4. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015: Có tài liệu đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK TP.HCM;
- HĐQT; Ban TGD;
- Lưu: VT, PTH.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
Năm 2015
Kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
Năm 2015
Kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 03, ngõ 1295, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: (84 4) 39745082 Fax: (84 4) 39745083

Hà Nội, tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 7
2	Báo cáo kiểm toán	8 - 9
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015</i>	10 - 11
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015</i>	12
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2015</i>	13
	<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015</i>	14 - 40
	<i>Phụ lục số 01: Các khoản đầu tư tài chính</i>	41
	<i>Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình</i>	42
	<i>Phụ lục số 03: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay</i>	43
	<i>Phụ lục số 04: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu</i>	44
	<i>Phụ lục số 05: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam, gọi tắt là “Công ty” đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất gồm có:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|----------|
| • Ông Nguyễn Ngọc Bình | Chủ tịch |
| • Ông Trần Hải Anh | Ủy viên |
| • Ông Lê Hà Giang | Ủy viên |
| • Ông Nguyễn Văn Huyền | Ủy viên |
| • Ông Nguyễn Ngọc Hưng | Ủy viên |

Ban kiểm soát:

- | | |
|-------------------------|------------|
| • Bà Nghiêm Thị Mai Hoa | Trưởng ban |
| • Ông Nguyễn Tiến Hiền | Thành viên |
| • Bà Hoàng Thị Kim Anh | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|-----------------------------|--|
| • Ông Nguyễn Ngọc Bình | Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Ngọc Hưng | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Văn Huyền | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Ngô Tuấn Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Trần Hải Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà Ninh Thị Luân | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |
| • Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31/12/2015) |

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam, gọi tắt là “Công ty”, tiền thân là Công ty Cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng thủy lợi, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 6 năm 2007 đổi tên



Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (MECO). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 11 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 12 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp 0100103295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 15/8/2011.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **575.100.000.000 đồng** (*Năm trăm bảy mươi lăm tỷ một trăm triệu đồng*).

Vốn pháp định: **6.000.000.000 đồng** (*Sáu tỷ đồng*).

Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng, lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp đến 220 KV;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;

- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Lắp đặt hệ thống thanh máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản; Định giá, môi giới bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát; Xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;

- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực thực phẩm và nông lâm sản;
- Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h.

Công ty có trụ sở tại: Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Anpha (Tỷ lệ quyền biểu quyết 97,5%, tỷ lệ lợi ích 98,81%)	Số 214, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
Công ty CP Đầu tư và phát triển điện MECO (Tỷ lệ quyền biểu quyết 89%, tỷ lệ lợi ích 100%)	Ngõ 102 đường Trường Chinh, quận Đống Đa - Hà Nội.
Công ty cổ phần thủy điện Thác Xăng (Tỷ lệ quyền biểu quyết 80%, tỷ lệ lợi ích 99,11%)	2A14 tổ 1D, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội.
Công ty cổ phần khoáng sản MECO	Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn,

(Tỷ lệ quyền biểu quyết 75%, tỷ lệ lợi ích 91,95%)
Công ty cổ phần Bất động sản MECO
(Tỷ lệ quyền biểu quyết 90%, tỷ lệ lợi ích 74,38%)

huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
Ngõ 102 đường Trường Chinh,
quận Đống Đa - Hà Nội.

Các công ty liên kết :

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Hòa Bình (Tỷ lệ sở hữu 32,49%, tỷ lệ quyền biểu quyết 46%)	Tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
Công ty cổ phần XD Thủy lợi MECO Sài Gòn (Tỷ lệ sở hữu 28,05%, tỷ lệ quyền biểu quyết 28,05%)	205 Nguyễn Xí, phường 26 quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.
Công ty cổ phần cơ khí Văn Lâm (Tỷ lệ sở hữu 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết 45%)	Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này từ trang 10 đến trang 45.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính hợp nhất :

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất ;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ

động hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty năm 2015 ;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban lãnh đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM



NGUYỄN NGỌC BÌNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 05 tháng 2 năm 2016



Số: 75 /2016/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam được lập ngày 05/2/2016, từ trang 10 đến trang 45 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC TỈNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

LÊ VĂN DÒ
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0231-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.267.205.389.965	1.316.674.717.363
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	137.301.291.085	26.140.430.913
1	Tiền	111		114.301.291.085	26.140.430.913
2	Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	-
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V02	20.193.498.500	13.644.434.456
1	Chứng khoán kinh doanh	121		342.250.000	1.814.050.000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(148.751.500)	(197.421.100)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	12.027.805.556
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		553.877.930.377	585.577.998.427
1	Phải thu khách hàng	131	V.03	399.284.928.934	430.221.992.172
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	86.026.595.202	79.863.535.719
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	80.044.718.003	87.770.782.298
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.07	(11.972.001.096)	(12.772.001.096)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.06	493.689.334	493.689.334
IV	Hàng tồn kho	140	V.08	553.844.093.866	687.445.637.101
1	Hàng tồn kho	141		627.741.566.935	774.087.188.969
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(73.897.473.069)	(86.641.551.868)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.988.576.137	3.866.216.466
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	174.752.069	106.561.789
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.813.824.068	3.759.654.677
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		816.969.763.546	943.092.325.742
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.000.000
1	Phải thu dài hạn khác	216		-	2.000.000
II	Tài sản cố định	220		189.736.616.675	32.214.465.685
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	189.736.616.675	32.214.465.685
	- Nguyên giá	222		280.724.473.502	120.331.088.049
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(90.987.856.827)	(88.116.622.364)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		415.736.004.787	378.972.353.887
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	415.736.004.787	378.972.353.887
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		211.151.155.468	531.548.308.090
1	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	186.734.507.468	508.517.062.411
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	60.847.824.939	61.607.824.939
3	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.13	(36.431.176.939)	(38.576.579.260)
VI	Tài sản dài hạn khác	260		345.986.616	355.198.080
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	317.054.034	326.265.498
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		28.932.582	28.932.582
VII	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.084.175.153.511	2.259.767.043.105

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2015

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		1.485.959.143.267	1.684.910.927.761
I	Nợ ngắn hạn	310		1.075.267.545.180	1.154.722.883.021
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	216.910.997.484	226.693.814.247
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	47.335.016.311	161.159.521.333
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	37.154.783.605	24.309.914.411
4	Phải trả người lao động	314		3.435.969.276	5.633.838.016
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	182.162.321.134	56.806.663.900
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.125.108.364	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	227.547.780.991	208.220.983.932
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	347.290.151.482	459.889.030.649
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.305.416.533	12.009.116.533
II	Nợ dài hạn	330		410.691.598.087	530.188.044.740
1	Chi phí phải trả dài hạn	333		73.152.353.920	-
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	11.681.086.486	13.063.566.420
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	325.108.157.681	516.374.478.320
4	Trái phiếu chuyển đổi	339	V.19	750.000.000	750.000.000
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		598.216.010.244	574.856.115.344
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	598.177.588.521	574.796.218.677
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3	Cổ phiếu quỹ	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
4	Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
5	Lợi nhuận chưa phân phối	421		25.575.476.453	2.647.565.897
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.647.565.897	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.927.910.556	2.647.565.897
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		9.150.502.478	8.697.043.190
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.22	38.421.723	59.896.667
1	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		38.421.723	59.896.667
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		2.084.175.153.511	2.259.767.043.105

Người lập

Phạm Thị Chinh Lương

Kế toán trưởng

Ninh Thị Luân

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.23	374.071.512.057	1.199.414.139.245
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.24	374.071.512.057	1.199.414.139.245
4	Giá vốn hàng bán	11	V.25	294.101.294.539	1.122.709.919.616
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.970.217.518	76.704.219.629
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.26	44.477.881.463	5.518.976.094
7	Chi phí tài chính	22	V.27	75.361.104.021	42.258.421.480
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		76.113.915.425	48.635.125.177
8	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(5.447.974.943)	16.534.495.416
9	Chi phí bán hàng	25	V.28	95.275.004	1.205.515.040
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.29	6.604.058.124	13.881.484.459
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.939.686.889	41.412.270.160
12	Thu nhập khác	31	V.30	7.025.611.066	18.578.327.779
13	Chi phí khác	32	V.31	16.963.306.552	18.054.092.680
14	Lợi nhuận khác	40		(9.937.695.486)	524.235.099
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.001.991.403	41.936.505.259
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.32	3.970.621.559	3.559.240.959
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.031.369.844	38.377.264.300
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		22.927.910.556	38.287.930.975
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		103.459.288	89.333.325
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		440	736

Người lập



Phạm Thị Chinh Lương

Kế toán trưởng



Ninh Thị Luân

Hà Nội ngày 05 tháng 02 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	27.001.991.403	41.936.505.259
2	Điều chỉnh cho các khoản		(19.271.115.967)	(12.543.413.258)
	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	11.471.457.078	9.624.960.865
	Các khoản dự phòng	03	(2.994.071.921)	505.435.627
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.378.422.105	13.518.094
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(105.240.838.654)	(71.322.453.021)
	Chi phí lãi vay	06	76.113.915.425	48.635.125.177
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.730.875.436	29.393.092.001
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	41.759.768.806	190.296.207.235
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(36.037.166.186)	513.669.307.358
	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	54.160.634.706	(447.590.996.035)
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(58.978.816)	373.397.692
	Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	1.471.800.000	-
	Tiền lãi vay đã trả	14	(40.899.706.596)	(83.728.403.878)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(618.480.639)	(5.247.386.807)
	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.635.672.195
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(703.700.000)	(1.889.742.195)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.805.046.711	196.911.147.566
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.566.700.994)	(79.138.177.621)
	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	77.489.649.038	83.154.137.155
	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(28.106.005.556)
	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.027.805.556	16.078.200.000
	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	355.760.000.000	710.000.000
	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.508.528.244	1.779.775.727
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	388.219.281.844	(5.522.070.295)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	Tiền thu từ đi vay	33	62.630.688.355	406.500.373.001
	Tiền trả nợ gốc vay	34	(366.495.888.161)	(603.299.310.700)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(303.865.199.806)	(196.798.937.699)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	111.159.128.749	(5.409.860.428)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	26.140.430.913	31.551.324.226
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.731.423	(1.032.885)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	137.301.291.085	26.140.430.913

Người lập



Phạm Thị Chinh Lương


Kế toán trưởng



Ninh Thị Luân

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Ngọc Bình

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam, gọi tắt là “Công ty”, tiền thân là Công ty Cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng thủy lợi, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 6 năm 2007 đổi tên Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (MECO). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 11 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 12 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp 0100103295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 15/8/2011.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **575.100.000.000 đồng** (*Năm trăm bảy mươi lăm tỷ một trăm triệu đồng*).

Vốn pháp định: **6.000.000.000 đồng** (*Sáu tỷ đồng*).

Công ty có trụ sở tại: Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng, lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp đến 220 KV;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Lắp đặt hệ thống thanh máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản; Định giá, môi giới bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát; Xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng, lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp đến 220 KV;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Lắp đặt hệ thống thanh máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản; Định giá, môi giới bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát; Xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực thực phẩm và nông lâm sản;
- Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h.

4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây lắp: chu kỳ hoạt động kinh doanh theo từng hợp đồng xây dựng
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Anpha (Tỷ lệ quyền biểu quyết 97,5%, tỷ lệ lợi ích 98,81%)	Số 214, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
Công ty CP Đầu tư và phát triển điện MECO (Tỷ lệ quyền biểu quyết 89%, tỷ lệ lợi ích 100%)	Ngõ 102 đường Trường Chinh, quận Đống Đa - Hà Nội.
Công ty cổ phần thủy điện Thác Xăng (Tỷ lệ quyền biểu quyết 80%, tỷ lệ lợi ích 99,11%)	2A14 tổ 1D, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội.
Công ty cổ phần khoáng sản MECO (Tỷ lệ quyền biểu quyết 75%, tỷ lệ lợi ích 91,95%)	Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
Công ty cổ phần Bất động sản MECO (Tỷ lệ quyền biểu quyết 90%, tỷ lệ lợi ích 74,38%)	Ngõ 102 đường Trường Chinh, quận Đống Đa - Hà Nội.

Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Hòa Bình (Tỷ lệ sở hữu 32,49%, tỷ lệ quyền biểu quyết 46%)	Tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
Công ty cổ phần XD Thủy lợi MECO Sài Gòn (Tỷ lệ sở hữu 28,05%, tỷ lệ quyền biểu quyết 28,05%)	205 Nguyễn Xí, phường 26 quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
Công ty cổ phần cơ khí Văn Lâm (Tỷ lệ sở hữu 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết 45%)	Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố Báo cáo tài chính năm 2015 được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Trình tự và phương pháp hợp nhất:

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con, phần tài sản thuần của công ty mẹ nắm giữ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ (nếu có).

Phân bổ lợi thế thương mại;

Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ cho các giao dịch phát sinh trong nội bộ tập đoàn.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Đối với chứng khoán kinh doanh: Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Thời điểm ghi nhận là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, đối với chứng khoán niêm yết thời điểm ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Cuối niên độ kế toán, chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá cho từng loại chứng khoán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản ngoài chứng khoán kinh doanh như các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

Căn cứ lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với các đơn vị đã niêm yết trên sàn chứng khoán và căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đối với các đơn vị khác.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

- *Lập dự phòng phải thu khó đòi*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí dở dang đầu kỳ + chi phí phát sinh trong kỳ - giá trị hoàn thành trong kỳ.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng các công trình dở dang được lập căn cứ trên khả năng thu hồi vốn thực tế giảm so với chi phí đầu tư ban đầu của các công trình xây dựng.

9. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa) được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	07 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 06 năm

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

- Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận nhận trước: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước. Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp các công trình, doanh thu thương mại, dịch vụ, doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức.

- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được chủ đầu tư xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận doanh thu mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

- Thu nhập khác:** các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể:

- Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và xí nghiệp, chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.
- Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất kho.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền			
Tiền mặt		76.403.118.597	526.829.543
Tiền gửi ngân hàng		37.898.172.488	25.613.601.370
Các khoản tương đương tiền		23.000.000.000	-
Cộng		<u>137.301.291.085</u>	<u>26.140.430.913</u>
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn <Chi tiết tại phụ lục số 01>			
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng công ty mẹ		398.589.130.486	428.038.876.061
Phải thu khách hàng các công ty con		695.798.448	2.183.116.111
Cộng		<u>399.284.928.934</u>	<u>430.221.992.172</u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán công ty mẹ		57.819.450.749	63.585.167.598
Trả trước cho người bán các công ty con		28.207.144.453	16.278.368.121
Cộng		<u>86.026.595.202</u>	<u>79.863.535.719</u>
5. Phải thu khác		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ		<u>39.460.944.398</u>	<u>43.432.739.546</u>
Tạm ứng		22.053.504.133	19.241.902.148
Ký cược, ký quỹ		-	172.600.853
Phải thu khác		17.407.440.265	24.018.236.545
Công ty con		<u>40.583.773.605</u>	<u>44.338.042.752</u>
Tạm ứng		39.371.940.759	43.221.461.025
Ký cược, ký quỹ		15.700.000	13.700.000
Phải thu khác		1.196.132.846	1.102.881.727
Cộng		<u>80.044.718.003</u>	<u>87.770.782.298</u>
6. Tài sản thiếu chờ xử lý		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ			
Hàng tồn kho		214.713.849	214.713.849
Tài sản khác		14.969.423	14.969.423
Công ty con			
Tài sản khác		264.006.062	264.006.062
Cộng		<u>493.689.334</u>	<u>493.689.334</u>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Số dự phòng đầu năm	Số trích thêm trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dự phòng cuối kỳ
12.772.001.096	-	800.000.000	11.972.001.096

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	203.857.310		1.016.686.736	
Nguyên liệu, vật liệu	45.671.059.895		38.961.489.848	
Công cụ, dụng cụ	179.608.416		84.858.818	
Chi phí SX, KD dở dang	552.536.922.634	73.897.473.069	684.807.870.101	86.641.551.868
Thành phẩm	94.368.520		94.598.520	
Hàng hóa	28.937.230.865		49.003.165.651	
Hàng gửi bán	118.519.295		118.519.295	
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	627.741.566.935	73.897.473.069	774.087.188.969	86.641.551.868

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

Trong kỳ công ty quyết toán công trình Nho Quế 3 nên hoàn nhập khoản dự phòng tương ứng đã trích lập của công trình này là: 12.744.078.799 đồng.

9. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn: công cụ dụng cụ xuất dùng	174.752.069	106.561.789
Dài hạn: các khoản khác	317.054.034	326.265.498
Cộng	491.806.103	432.827.287

10. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 02>

11. Chi phí XDCB dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	1.223.229.426	1.223.229.426
Dự án khu đất 3ha Văn Lâm - Hưng Yên	-	16.732.509.213
Dự án khu đô thị MECO - CITY	107.304.540	107.304.540
Dự án thủy điện Khánh Khê	14.992.917.682	14.716.694.045
Dự án Suối Choang - Nghệ An	22.326.781.214	22.326.781.214
Dự án thủy điện Nậm Hóa	370.723.944.960	317.539.258.502
Dự án mỏ đá Hòa Bình	6.361.826.965	6.326.576.947
Cộng	415.736.004.787	378.972.353.887

12. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cp Thủy Điện Văn Chấn	-	-	27.500.000	321.361.830.943
Công ty cp cơ điện và XD Hòa Bình	224.147	2.003.528.515	224.147	2.003.528.515

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty cp XD Thủy lợi MECO Sài Gòn	420.724	1.682.896.000	420.724	2.103.620.000
Khu đô thị phía đông Văn Giang		175.000.000.000	-	175.000.000.000
Công ty cp cơ khí Văn Lâm		8.048.082.953	-	8.048.082.953
Cộng		186.734.507.468		508.517.062.411

Trong năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng hết số cổ phần đang nắm giữ tại Công ty CP Thủy điện Văn Chấn. Từ đó Công ty CP Thủy điện Văn Chấn không còn là Công ty liên kết của Công ty.

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <Chi tiết tại phụ lục số 01>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán công ty mẹ	126.895.136.917	160.402.014.842
Phải trả người bán các công ty con	90.015.860.567	66.291.799.405
Cộng	216.910.997.484	226.693.814.247

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả trước công ty mẹ	47.335.016.311	161.159.521.333
Người mua trả trước các công ty con	-	-
Cộng	47.335.016.311	161.159.521.333

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT	21.807.739.219	12.381.856.813	1.758.445.389	32.431.150.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(332.772.530)	2.879.312.721	618.480.639	1.928.059.552
Thuế thu nhập cá nhân	245.614.659	129.623.440	213.405.752	161.832.347
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	153.303.911	34.650.000	-	187.953.911
Các loại thuế khác	2.436.029.152	36.107.200	26.349.200	2.445.787.152
Cộng	24.309.914.411	15.461.550.174	2.616.680.980	37.154.783.605

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí lãi vay phải trả	29.453.349.422	29.453.349.422	39.095.400.552	39.095.400.552
Lãi trái phiếu phải trả	794.698.889	794.698.889	794.698.889	794.698.889
Chi phí công trình	150.293.872.550	150.293.872.550	15.296.164.186	15.296.164.186
Chi phí hỗ trợ di dời	1.620.400.273	1.620.400.273	1.620.400.273	1.620.400.273
Cộng	182.162.321.134	182.162.321.134	56.806.663.900	56.806.663.900

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

18. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.333.074.876	935.567.508
Bảo hiểm thất nghiệp	3.199.500	58.226.419
Kinh phí công đoàn	550.552.061	814.377.812
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.770.883.026	2.770.883.026
Phải trả về cổ phần hóa	252.180.000	252.180.000
BQLDA Khu đô thị mới phía đông huyện Văn Giang	140.286.222.222	140.286.222.222
Tiền nhận đặt cọc	910.625.000	910.625.000
Phí bảo trì các căn hộ chung cư	16.643.351.078	14.513.926.458
Vay các đối tượng khác	1.548.850.000	30.870.081.100
Phải trả khác	63.248.843.228	16.808.894.387
Cộng	227.547.780.991	208.220.983.932

19. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Thăng Long (1)	-	167.159.082.537
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I (1)	4.936.259.555	-
Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Thiệu Hóa	27.250.000	27.250.000
Vay cá nhân	571.890.000	5.158.390.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Thăng Long (2)	190.860.000.000	171.574.500.000
Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam	-	18.288.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương CN Đống Đa (3)	140.894.751.927	53.181.808.112
Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt	-	15.000.000.000
Công ty tài chính CP Điện lực	-	9.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên (4)	10.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	347.290.151.482	459.889.030.649

(1) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I hợp đồng số 01/2015/39/HĐTD tháng 03/2015 với tổng số tiền vay là 31 tỷ đồng, mục đích vay thanh toán tiền vật tư công trình Bản Mông, thời hạn vay tối đa 9 tháng đối với từng lần rút vốn vay, lãi suất theo lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết.

(2), (3) xem phần thuyết minh vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 102/14/HĐTD/TN ngày 24/09/2014 về việc cung cấp hạn mức cho vay: 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bất động sản MECO. Thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay áp dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và cố định trong thời gian hiệu lực của từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng số 22/VCB.TNG-MECO/2014 ngày 24/09/2013 trị giá 2.000.000.000 đồng.

Nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	325.108.157.681	516.374.478.320
Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (1)	-	18.562.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam CN Hà Nội	204.994.477	204.994.477
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long (2)	170.390.574.029	160.234.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương CN Đống Đa (3)	5.196.371.850	127.937.266.518
Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt	-	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam CN Sơn La (4)	149.316.217.325	149.436.217.325
Trái phiếu chuyển đổi	750.000.000	750.000.000
Trái phiếu (5)	750.000.000	750.000.000
Cộng	325.858.157.681	517.124.478.320

(1) Khoản vay dài hạn Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01.39/2013/HĐTD ngày 01/07/2013; hợp đồng cầm cố tài sản số 01.3709365/2012/HĐCCCP ngày 28/02/2012; hợp đồng 02.3709365/2012/HĐCCCP ngày 24/04/2012 mục đích vay phục vụ cho các dự án công ty đang thực hiện, lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là sổ cổ phiếu LGL mà công ty đang nắm giữ.

(2) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long theo hợp đồng số 03/07/NHNT.TL ngày 29/11/2007; Hợp đồng số 04/07/NHNT.TL ngày 29/11/2007; hợp đồng số 01/2012/HĐTH/VCBTL-MECO ngày 10/08/2012; Hợp đồng 01/2013/HĐTH/VCBTL - MECO ngày 28/06/2013, mục đích vay phục vụ cho dự án tòa nhà tổ hợp văn phòng, chung cư 102 Trường Chinh, Hà Nội, lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là tài sản cố định hình thành trong tương lai từ dự án.

(3) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương - chi nhánh Đống Đa, mục đích vay phục vụ cho các dự án công ty đang thực hiện, lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ tại các công trình của công ty.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Sơn La số tiền theo hợp đồng vay số 02/02/2011/HDDTDNH2 ngày 22/04/2011, mục đích vay phục vụ đầu tư xây dựng Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Hóa 2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là tài sản cố định hình thành trong tương lai từ dự án.

(5) Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất trái phiếu 12%/năm để bổ sung nguồn vốn đầu tư vào các dự án của Công ty, trả lãi định kỳ 1 năm/1 lần, lãi không nhập gốc. Tỷ lệ chuyển đổi: 1 trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng sẽ được chuyển đổi 10 cổ phiếu phổ thông. Thời gian chuyển đổi: 20% sau 12 tháng; 30% sau 24 tháng và 50% sau 36 tháng. Trường hợp tại các ngày chuyển đổi trái chủ không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông, khi đó trái chủ sẽ được Công ty thanh toán gốc và lãi trái phiếu năm cuối bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại ngày đáo hạn trái phiếu.

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 03>

20. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn: cho thuê văn phòng	2.125.108.364	-
Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước về dự án	11.681.086.486	13.063.566.420
Cộng	13.806.194.850	13.063.566.420

21. Vốn chủ sở hữu

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 04>

21.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước	302.300	0,53%
Cổ đông lớn <sở hữu từ 5% vốn CP trở lên>		
- Nguyễn Ngọc Bình	5.496.825	9,56%
Công đoàn công ty	80.000	0,14%
Cổ phiếu quỹ	5.460.000	9,49%
Cổ đông khác	46.170.875	80,28%
Cộng	57.510.000	100%

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	575.100.000.000	575.100.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	57.510.000	57.510.000
Cổ phiếu phổ thông	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	5.460.000	5.460.000
Cổ phiếu phổ thông	5.460.000	5.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	52.050.000	52.050.000
Cổ phiếu phổ thông	52.050.000	52.050.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

21.5 Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	28.817.258.755	28.817.258.755
Cộng	28.817.258.755	28.817.258.755

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

22. Nguồn kinh phí

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	38.421.723	59.896.667
Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.899,34	1.911,43
- Đồng Euro (EUR)	349,98	360,90

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Nợ khó đòi đã xử lý: 1.017.354.182 1.017.354.182

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>

23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	31.542.822.833	410.876.671.988
Doanh thu kinh doanh bất động sản	206.670.554.567	649.657.528.177
Doanh thu hoạt động xây dựng	113.010.488.360	128.423.490.970
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.847.646.297	10.456.448.110
Cộng	374.071.512.057	1.199.414.139.245

Các khoản giảm trừ doanh thu

- -

24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	31.542.822.833	410.876.671.988
Doanh thu kinh doanh bất động sản	206.670.554.567	649.657.528.177
Doanh thu hoạt động xây dựng	113.010.488.360	128.423.490.970
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.847.646.297	10.456.448.110
Cộng	374.071.512.057	1.199.414.139.245

25. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.815.870.136	410.061.116.144
Giá vốn kinh doanh bất động sản	135.915.423.703	581.443.487.718
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	105.506.874.905	122.617.994.470
Giá vốn khác	17.863.125.795	8.587.321.284
Cộng	294.101.294.539	1.122.709.919.616

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	176.206.175	1.188.447.029
Lãi đầu tư, kinh doanh chứng khoán	38.800.720.000	178.320.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.500.007.000	1.034.833.750
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	3.117.375.315
Doanh thu tài chính khác	948.288	-
Cộng	44.477.881.463	5.518.976.094

27. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	76.113.915.425	48.635.125.177
Chi phí giao dịch chứng khoán	47.367.909	45.683.521
Chênh lệch tỷ giá	1.390.803.287	13.518.094
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn dài hạn	(2.190.982.600)	(6.435.905.312)
Cộng	75.361.104.021	42.258.421.480

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Năm nay	Năm trước
28. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	68.519.078	816.512.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.926.197	-
Chi phí bằng tiền khác	829.729	389.002.950
Cộng	95.275.004	1.205.515.040
29. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	5.317.215.775	5.035.148.852
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.618.848	99.984.016
Chi phí đồ dùng văn phòng	223.632.749	273.715.732
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.045.628	14.065.596
Thuế phí và lệ phí	29.428.048	55.659.917
Chi phí dự phòng	(803.089.321)	6.941.340.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.544.688	842.121.498
Chi phí bằng tiền khác	996.661.709	619.447.909
Cộng	6.604.058.124	13.881.484.459
30. Thu nhập khác		
Thu tiền thanh lý tài sản cố định	7.014.714.955	17.348.909.091
Chênh lệch đánh giá tài sản đem góp vốn	10.646.054	1.228.621.292
Thu nhập khác	250.057	797.396
Cộng	7.025.611.066	18.578.327.779
31. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	16.721.137.229	15.257.647.466
Thuế bị phạt, truy thu	20.600.000	3.500.000
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	10.363.636
Chi phí khác	221.569.323	2.782.581.578
Cộng	16.963.306.552	18.054.092.680
32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	27.001.991.403	41.936.505.259
<i>trong đó:</i>		
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	17.545.269.345	15.874.896.150
- Hoạt động xây lắp và kinh doanh khác	9.456.722.058	26.061.609.109
Các khoản điều chỉnh tăng:	5.540.574.943	77.500.000
- Phạt vi phạm hành chính	20.600.000	3.500.000
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	72.000.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Phần lỗ trong công ty liên kết	5.447.974.943	74.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm:	176.253.538.587	198.033.338.843
- Phần lãi trong công ty liên kết	-	16.534.495.416
- Hoàn nhập dự phòng	3.089.321	-
- Cổ tức nhận được	5.500.007.000	1.034.833.750
- Lỗ từ các năm trước chuyển sang	170.750.442.266	180.464.009.677
Tổng thu nhập chịu thuế:	(143.710.972.241)	(156.019.333.584)
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	17.545.269.345	15.874.896.150
- Hoạt động xây lắp và kinh doanh khác	(161.256.241.586)	(171.894.229.734)
+ Công ty mẹ	(161.759.252.032)	(172.197.701.579)
+ Công ty con	503.010.446	303.471.845
Thuế suất thuế TNDN:	22%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành công ty mẹ	3.859.959.256	3.492.477.153
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành của công ty con	110.662.303	66.763.806
Thuế TNDN phải nộp	3.970.621.559	3.559.240.959

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ <đồng>**Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ (MS 33)	
<i>Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường</i>	62.630.688.355
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	
<i>Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (MS 34)</i>	366.495.888.161

VIII. Những thông tin khác:

Đơn vị tính: đồng

1. Công cụ tài chính:**1.1. Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:**Tài sản tài chính:**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.301.291.085	26.140.430.913
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	479.329.646.937	517.992.774.470
Tài sản tài chính khác	668.441.403	600.251.123

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công nợ tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	672.398.309.163	976.263.508.969
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	444.458.778.475	434.914.798.179
Công nợ tài chính khác	750.000.000	750.000.000

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	347.290.151.482	-	
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	444.458.778.475	-	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	366.998.260.995	149.376.217.325
Công nợ khác	182.162.321.134	-	

1.4. Tài sản đảm bảo:

Trong năm, Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể:

- Khoản vay ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long tài sản đảm bảo là: 5.,46 triệu cổ phiếu quỹ MCG trị giá 40.404.000.000 đồng, toàn bộ diện tích nhà được hình thành trong tương lai tại dự án "Khu nhà ở cao tầng, văn phòng và hạ tầng kỹ thuật trường học".
- Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I, tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị vật tư.
- Khoản vay dài hạn Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, tài sản đảm bảo là sổ cổ phiếu LGL mà công ty đang nắm giữ .
- Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thăng Long, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án tổ hợp tòa nhà văn phòng, chung cư 102 Trường Chinh, Hà Nội.
- Khoản vay dài hạn ngân hàng Công thương - chi nhánh Đống Đa, tài sản đảm bảo là: quyền đòi nợ tại thủy điện Sông Tranh, Nho Quế, Văn Chấn , Iamor, Bản Mòng.

2. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và PT Điện MECO	Công ty con
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng	Công ty con
Công ty CP khoáng sản MECO	Công ty con
Công ty CP Bất động sản MECO	Công ty con
Công ty cp cơ điện và XD Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty cp XD Thủy lợi MECO Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cp cơ khí Văn Lâm	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và PT đô thị Long Giang	Công ty có ủy viên HĐQT làm Chủ tịch HĐQT kiêm TGT

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: đồng
		Số tiền
Góp vốn		
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	Góp vốn bằng tiền và tài sản	138.693.895.549
Công ty cp Thủy Điện Thác Xăng	Góp vốn bằng tiền	62.021.352
Công ty cp Khoáng sản MECO	Góp vốn bằng tiền	70.186.440
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
Các khoản phải thu		
	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Bất động sản MECO	Ứng trước tiền thi công	10.237.520.463
Công ty cp cơ khí Văn Lâm	Tiền thuê nhà xưởng và khác	10.992.022.779
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Hoà Bình	Ứng trước tiền thi công	60.000.000
Các khoản phải trả		
	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Bất động sản MECO	Phải trả tiền thi công	26.433.891.784
Công ty cp XD Thủy lợi MECO Sài Gòn	Phải trả tiền thi công	339.037.347
Công ty CP Đầu tư và PT đô thị Long Giang	Phải trả tiền thi công	13.219.371.169
Thu nhập của các thành viên chủ chốt		
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.190.595.299	978.720.486
BHXH, BHYT, BH thất nghiệp	106.616.730	116.946.720

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực xây lắp;
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Doanh thu thuần	Chi phí bộ phận	KQKD theo bộ phận
- Lĩnh vực xây lắp	113.010.488.360	105.506.874.905	7.503.613.455
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại	31.542.822.833	34.910.769.956	(3.367.947.123)
- Lĩnh vực kinh doanh BĐS	206.670.554.567	137.982.504.432	68.688.050.135
- Lĩnh vực kinh doanh khác	22.847.646.297	22.400.478.374	447.167.923
Cộng	374.071.512.057	300.800.627.667	73.270.884.390

Chi phí không phân bổ theo bộ phận

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(5.447.974.943)
Doanh thu hoạt động tài chính	44.477.881.463
Chi phí tài chính	75.361.104.021
Thu nhập khác	7.025.611.066
Chi phí khác	16.963.306.552
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.970.621.559
Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.031.369.844
Tổng chi phí phát sinh mua TSCĐ và các TS dài hạn khác	49.875.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước	13.451.622.783

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Tài sản phân bổ cho bộ phận	Nợ phải trả
- Lĩnh vực xây lắp	744.970.389.516	867.071.851.321
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại	326.029.724.481	88.275.045.323
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	827.135.879.468	520.223.963.825
- Lĩnh vực kinh doanh khác	186.039.160.046	10.388.282.798
Cộng	2.084.175.153.511	1.485.959.143.267

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội - CPAHANOI và được phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/BTC-TT của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/BTC-TT ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

6. Những thông tin khác

6.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	60,80	58,27
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	39,20	41,73
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	71,30	74,56
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	28,70	25,44
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,40	1,34
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,18	1,14
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,13	0,02
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	7,22	3,50
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	6,13	3,19
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	1,30	1,86
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,11	1,70
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	3,85	6,68

6.2 Thông tin khác

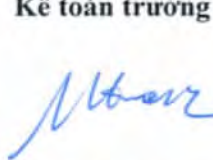
Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Phạm Thị Chinh Lương

Ninh Thị Luân

Nguyễn Ngọc Bình

Phụ lục số 01: Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>				<u>Số đầu năm</u>			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		342.250.000	193.498.500	(148.751.500)		1.814.050.000	1.616.628.900	(197.421.100)
Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành	-	-	-	-	131.000	1.471.800.000	1.375.500.000	(96.300.000)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	29.769	342.250.000	193.498.500	(148.751.500)	29.769	342.250.000	241.128.900	(101.121.100)

Trong kỳ, công ty đã bán 131.000 cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành (TTF).

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	60.847.824.939	(36.431.176.939)	24.416.648.000	61.607.824.939	(38.576.579.260)	23.034.335.000
Công ty cp ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh	1.050.000.000	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000
Công ty cp BP Tư vấn và đầu tư XD	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000	-	1.800.000.000
Công ty cp AP MECO	-	-	-	520.000.000	-	520.000.000
Công ty cp ván nhân tạo Yên Bái	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-	2.790.000.000	(2.793.089.321)	-
Công ty cp ĐT và PT đô thị Long Giang	53.447.824.939	(33.881.176.939)	19.566.648.000	53.447.824.939	(35.783.489.939)	17.664.335.000
Công ty cp kính Melta	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu năm	21.950.370.129	81.766.369.088	16.216.314.501	398.034.331	120.331.088.049
2. Số tăng trong năm	148.453.504.489	21.235.079.932	75.420.000	-	169.764.004.421
- Mua sắm mới		49.875.000	75.420.000	-	125.295.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	148.453.504.489	21.185.204.932			169.638.709.421
- Tăng khác		-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	7.555.779.042	1.814.839.926	-	9.370.618.968
- Thanh lý	-	7.555.779.042	1.814.839.926	-	9.370.618.968
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	170.403.874.618	95.445.669.978	14.476.894.575	398.034.331	280.724.473.502
II Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	6.786.684.141	67.212.559.522	13.752.071.643	365.307.058	88.116.622.364
2. Khấu hao trong năm	3.518.710.897	6.852.337.236	1.107.338.433	14.545.456	11.492.932.022
- Trích trong năm	3.518.710.897	6.852.337.236	1.107.338.433	14.545.456	11.492.932.022
3. Giảm trong năm	-	6.806.857.633	1.814.839.926	-	8.621.697.559
- Thanh lý	-	6.806.857.633	1.814.839.926	-	8.621.697.559
4. Số dư cuối năm	10.305.395.038	67.258.039.125	13.044.570.150	379.852.514	90.987.856.827
III Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	15.163.685.988	14.553.809.566	2.464.242.858	32.727.273	32.214.465.685
2. Tại ngày cuối năm	160.098.479.580	28.187.630.853	1.432.324.425	18.181.817	189.736.616.675

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.916.731.371
47.336.053.035

Phụ lục số 03: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Trong kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	672.398.309.163	672.398.309.163	403.215.526.710	707.080.726.516	976.263.508.969	976.263.508.969
Vay dài hạn	347.290.151.482	347.290.151.482	279.163.767.852	391.762.647.019	459.889.030.649	459.889.030.649
- Từ 1 đến 5 năm	94.701.366.327	94.701.366.327	42.961.184.829	315.198.079.497	366.938.260.995	366.938.260.995
- Trên 5 năm	230.406.791.354	230.406.791.354	81.090.574.029	120.000.000	149.436.217.325	149.436.217.325

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phụ lục số 04: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm trước							
1. Số dư đầu năm	575.100.000.000	169.300.618.000	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(171.980.233.730)	4.307.709.866	532.118.954.378
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	4.300.000.000	4.300.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	38.287.930.975	89.333.324	38.377.264.299
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Bù lỗ bằng thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	136.339.868.652	-	136.339.868.652
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	136.339.868.652	-	-	-	-	136.339.868.652
2. Số dư cuối năm	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	2.647.565.897	8.697.043.190	574.796.218.677
Kỳ này							
1. Số dư đầu năm	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	2.647.565.897	8.697.043.190	574.796.218.677
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	350.000.000	350.000.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	22.927.910.556	103.459.288	23.031.369.844
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*):	-	-	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối kỳ	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	25.575.476.453	9.150.502.478	598.177.588.521

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phụ lục số 05: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Công ty cổ phần Cơ điện và xây dựng Việt Nam	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
1	Vốn góp của Chủ sở hữu	370.597.931.633	361.662.931.633	8.935.000.000
	Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	299.506.643.283	295.941.643.283	3.565.000.000
	Công ty CP Đầu tư và PT Điện MECO	29.064.917.929	29.064.917.929	-
	Công ty CP Thủy điện Thác Xăng	16.798.513.345	16.648.513.345	150.000.000
	Công ty CP khoáng sản MECO	7.077.857.076	6.507.857.076	570.000.000
	Công ty CP Bất động sản MECO	18.150.000.000	13.500.000.000	4.650.000.000
2	Lợi nhuận chưa phân phối	841.154.835	625.652.357	215.502.478
	Công ty CP Bất động sản MECO	841.154.835	625.652.357	215.502.478
	Cộng	371.439.086.468	362.288.583.990	9.150.502.478